

KHẢO CỨU VIỆC THỜ BÀ ĐEN Ở TÂY NINH

Tóm tắt: Bài viết bóc tách các lớp tín ngưỡng trong tục thờ Bà Đen ở Tây Ninh: Hindu giáo, Phật giáo và Nho giáo trong việc tạo nên sự phồn tạp quanh câu chuyện về nàng Đênh / Lý Thị Thiên Hương. Qua đây cho thấy quá trình giao lưu, tiếp biến mạnh mẽ của tôn giáo, tín ngưỡng của các tộc người ở Nam Bộ thông qua hình ảnh một vị nữ thần mà nay dấu vết đã mờ xa.

Từ khóa: Thờ Bà Đen; Tín ngưỡng; Tây Ninh.

1. Địa danh Bà Đen

Núi Bà Đen cao 986m, là ngọn núi cao nhất ở Nam Bộ, giống như hình chiếc lá khổng lồ úp giữa cánh đồng bằng phẳng, bạt ngàn xanh tốt. Dãy núi dài 6km, rộng 4km, trong đó núi Heo ở phía Tây cao 335m, núi Phụng (núi Cậu) ở phía Nam, thuộc địa phận huyện Dầu Tiếng (Bình Dương), cao 600m, trên có chùa Thái Sơn, miếu Cậu, miếu Linh Sơn Thánh Mẫu¹. Cùng với những ngọn núi Thị Vải, Bà Rịa, Thùy Vân, Bà Kéc, Bà Rá, Sam, Thoại Sơn... tạo thành những ngọn núi thiêng ở Nam Bộ, gắn liền trong tâm thức dân gian của cư dân vùng đất này.

Gia Định Thành Thông Chí (1820) chép về ngọn núi này như sau: “Cả trấn đều kính ngưỡng, ở cách trấn về phía Tây 261 dặm rưỡi. Núi này đất đá lởm chởm cao, cây cối xanh tốt, có suối nước ngọt, đất đai màu mỡ, trên có chùa Vân Sơn, dưới có chằm hồ, cảnh trí thực u nhã, rừng rú, hang hốc sâu thẳm, có thôn xóm người Thổ và người Việt ở la liệt, nhân dân đều nhờ món lợi của núi rừng. Ở đây, người ta thường đào được các vật xưa bằng vàng ngọc, tương truyền có khi trông thấy cả chiêm vàng ở trong hồ, cũng giống như việc cái khánh nổi ở bến sông Tứ hay chuông tìm được ở Trường Giang vậy, nhưng đến gần thì biến

* Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Tp. Hồ Chí Minh.

Ngày nhận bài: 20/8/2018; Ngày biên tập: 06/9/2018; Ngày duyệt đăng: 17/9/2018.

mất. Có đêm trời quang mây tạnh lại thấy có thuyền rồng bành bồng, hát múa du dương, hoặc có khi thấy con rùa vàng lớn hơn 1 trượng, ẩn hiện bất thường, là do khí linh tụ lại, chứ không phải việc quái đản”².

Sách *Đại Nam Nhất Thống Chí* về sau cũng có ghi chép tương tự về núi Bà Đen, chỉ thêm chi tiết: “Núi này có một tên nữa là núi Điện Bà Sơn. Năm Tự Đức thứ 3 đổi là Linh Sơn, có đăng vào tự điền”³.

Những ghi chép trong thư tịch cho thấy sự “tự thiêng” của ngọn núi này ở khu vực Đông Nam Bộ, những mối giao lưu văn hóa của các tộc người cư trú ở đây với những hình thức tín ngưỡng của họ.

Trương Vĩnh Ký gọi ngọn núi này với các tên: “ngọn Bà Đen (Ba đình, Chiêng Bà Đen”, “núi Bà Đình”, “núi Điện Bà” hoặc núi “Chon Bà Đen”. Tên chữ Hán là “Bà Đình Sơn”⁴.

Nhà địa danh học Lê Trung Hoa đưa ra các cách giải thích về địa danh liên quan đến ngọn núi Bà Đen ở Tây Ninh như sau. Đầu tiên, ông cho đó là: “Bà Đen là tên dịch địa danh gốc Chăm Chok Juk “núi đen” - tên bà mẹ xứ sở, có vương hiệu là Po Inur Nagar”.

“Núi cách thị xã Tây Ninh 15km, cao 986m, một điểm du lịch nổi tiếng. Cũng gọi là núi Bà”⁵.

Lê Trung Hoa tiếp tục đưa ra 5 giải thuyết cắt nghĩa về địa danh này.

1. “Nàng *Đên*h quyết chí đi tu trên núi; cha mẹ ép duyên; nàng trốn biệt tích; tên núi Bà Đên nói chệch thành Bà Đen”⁶.

2. “Cô Lý Thị Thiên Hương yêu và định lấy một trí thức tên Lê Sĩ Triệt, nhưng bị tên công tử bắt cóc; nàng tuần tiết; vua phong cho nàng là Linh Sơn Thánh mẫu”.

3. “Nàng *Rê Deng*⁷ cùng chàng đắp núi thi; cuối cùng nàng thắng, núi nàng đắp trở thành tên núi”.

4. “Nữ Oa và Tứ Tượng thi đắp núi; nếu Tứ Tượng thắng thì thành vợ chồng; cuối cùng nàng thắng; núi nàng đắp trở thành núi Bà Đen”.

5. “Có một nữ thần của người Khmer, gọi là “Mẹ Đen” (Néang Khmau), mà hòn núi là bàn chân của bà nên trước đây thường gọi là *Phnom Chon Bà Đen*; hiện trên núi còn dấu chân này”⁸. Và nhà địa danh học đã chọn giả thuyết thứ 5, cho là “hợp lý nhất” (?), khi ông đến đó, trông thấy dấu chân in trên đá.

Có nhiều truyền thuyết để giải thích địa danh Bà Đen, chung quy lại có mấy nguồn: Việt (*núi Bà, núi Bà Đen, Điện Bà Đen*), Hán (*Linh Sơn, Vân Sơn*), Khmer (*Bà Đênh / Đinh, Chon Bà Đen, Chiêng Bà Đen, Phnom⁹ Chon Bà Đen*), Chăm (*Chok Juk*). Tất cả nổi rõ lên yếu tố “đen” hay “thâm” để định danh về tính chất cũng như nguồn gốc của vị nữ thần được thờ trên ngọn núi này.

2. Những truyền thuyết về Bà Đen

Có nhiều truyền thuyết xoay quanh câu chuyện về Bà Đen, xuất phát từ những lớp tín ngưỡng khác nhau, nhằm giải thích về địa danh cũng như nguồn gốc tín ngưỡng vị nữ thần được thờ phụng nơi đây của các tộc người.

Trong kho tàng truyện cổ Khmer Nam Bộ, có câu chuyện giải thích về địa danh Bà Đen như sau. Có hai bên nam nữ cứ tranh chấp với nhau, không bên nào chịu đứng ra cưới bên kia. Nàng Rê Đeng rủ chàng trai mạnh nhất trong vùng thi đắp núi với mình, mỗi người đắp một quả núi trong một đêm, ai đắp xong thì được đốt một ngọn đèn trên đỉnh núi để báo hiệu thắng cuộc và bên thua phải đi cưới bên thắng. Chàng trai ý khỏe nên chỉ lo ca hát, ăn uống. Còn nàng Rê Đeng thì bắt tay ngay từ khi sao Hôm mọc. Đến nửa đêm, nàng đã đắp xong và thắp ngọn đèn trên đỉnh núi. Núi đó là Bà Đen, đọc trại ra từ Rê Đeng (?). Biết thua cuộc, chàng trai sai voi trắng của mình đến phá núi, nhưng voi chưa kịp phá núi thì Rê Đeng làm phép biến voi thành đá. Chàng trai liền cho bầy heo rừng của mình đến ủi núi, nhưng số phận cũng giống như voi trắng. Chàng trai lại sai bầy gà trống đến bới núi, nhưng đều cũng bị hóa đá. Voi, heo rừng, gà trống đều hóa đá thành núi Tượng, núi Heo, núi Gà. Cuối cùng chàng trai tự đến phá núi, hốt đất vãi tứ tung ra cánh đồng phía Tây núi Bà Đen thành những đồi cát ngày nay bên chân núi Bà Đen¹⁰.

Người Chăm ở xã Đông Tác (Tây Ninh) còn có sự tích khác kể về Bà Đen. Sau cuộc chiến giữa hai nước, hoàng đế Champa cưới hoàng hậu nước Việt. Vị hoàng hậu vì muốn giúp nước mình, nên khuyên vua Chăm đón bỏ cây thần mọc trước cung điện. Vua nghe lời, đón cây thần, dùng gỗ chế tạo một chiếc tàu chiến. Mỗi lần ra quân, quân Chăm luôn chiến thắng quân Việt, chiếc tàu vẫn được Bà che chở.

Quân Việt phải tìm cách cắm cừ giữa sông, chiếm được chiếc tàu, mới chiến thắng quân Chăm (!)¹¹.

Một sự tích kể về việc thành lập Điện Bà. Khi Bà Đen đã hiển thánh, thì chưa có nơi nhang khói để thờ phụng. Vào cuối thời kỳ Tây Ninh còn thuộc đất Cao Miên, có vị tu sĩ tên là Đạo Trung đến trú ẩn trên núi Bà, khai khẩn nơi đây. Ông lo tụng niệm kinh Phật suốt 31 năm, bỗng một ngày trông thấy Bà hiển hiện trên đỉnh núi và ít lâu sau vị tu sĩ tìm thấy chân dung bằng đá của Bà, đem về núi lập động thờ phụng. Điện Bà có từ đó¹².

Truyền thuyết xưa kể rằng, vùng đất này vốn thuộc Cao Miên, viên quan trấn thủ sinh được cô con gái hiền thực là nàng Đênh, năm 13 tuổi cho theo học đạo với một nhà sư người Hoa. Vì có ý nguyện xuất gia, nên khi con trai tri huyện Trắng Bàng cầu hôn, nàng Đênh lên núi, bị cộp ăn thịt, chỉ tìm được khúc chân kẹt trong hang đá. Từ đó bà trở nên hiển thánh¹³.

Câu chuyện khác, kể về việc Nguyễn Ánh bị quân Tây Sơn rượt đuổi trên đường sứ, từ Tây Ninh sang Lào đi Xiêm để cầu viện (?). Lúc Nguyễn Ánh ngang qua trắng Măng Chà, vùng Bùng Binh, Lê Văn Duyệt được lệnh của chúa đến núi cầu Bà cứu giúp. Bà báo mộng, chỉ đường vòng qua núi Bà thoát nạn. Sau khi lên ngôi, Gia Long cho đúc cốt tượng Bà Đênh bằng đồng đen và giao cho quan trấn thủ đưa lên núi tại động thờ Bà, đồng thời sắc phong là “Linh Sơn Thánh Mẫu”, người dân gọi động đó là *Linh Sơn Tiên Thạch Động*. Dân chúng gọi núi *Tây Ninh* là núi *Chân Bà Đênh*, rồi sau gọi tắt và trại ra thành núi *Bà Đen*¹⁴.

Một câu chuyện nữa kể về cô gái Lý Thị Thiên Hương, thông thạo văn chương, biết võ nghệ, hay lên núi lễ Phật. Cô có diện mạo đen đúa nhưng duyên dáng, khiến lòng người say đắm. Chàng trai giỏi võ trong vùng Lê Sĩ Triệt đem lòng yêu thương. Con trai một viên quan để ý nàng, tìm cách bắt cóc về làm thiếp nhưng đã được Lê Sĩ Triệt giải cứu. Chàng trai lên đường tòng quân, bọn gia nô của con vị quan đến vây bắt nàng. Thiên Hương đã gieo mình xuống núi tuấn tiết. Nàng hiện hình thành người con gái mặt đen về báo mộng cho vị sư. Chuyện đến tai Lê Văn Duyệt và nàng cũng đã hiển linh trước mặt

ngài. Thiên Hương đã giúp quân Nguyễn Ánh thoát nạn Tây Sơn trong một lần bị rượt đuổi qua núi Bà Đen¹⁵.

3. Cơ sở thờ tự

Chùa Linh Sơn trên núi Bà Đen được khai sơn từ cuối thế kỷ XVIII, nhưng đến năm 1872 mới xây dựng ngôi đền Điện Bà. Đến những năm 50 của thế kỷ XX, nơi đây trở thành một tập hợp phong phú với nhiều cơ sở tín ngưỡng khác nhau.

Chùa Linh Sơn Phước Trung Tự ở chân núi thờ chư Phật, Bồ Tát; phối tự Quan Công, Thiên Hậu, các nữ thần và Cô Cậu.

Chùa Linh Sơn Tiên Thạch Tự ở lưng chừng núi thờ chư Phật, Bồ Tát, La Hán, Tổ Bồ Đề Đạt Ma, các Tổ của chùa.

Điện Bà nằm sát chùa Linh Sơn Tiên Thạch Tự, chính điện thờ Linh Sơn Thánh Mẫu, mặc áo đỏ, mặt đen, gọi là bà Mặt Đen (Bà Đen); bên phải là Bà Chúa Xứ Nương Nương, mặc áo xanh da trời, gọi là Bà Mặt Trắng; Cô Hồng, Cô Hạnh, Cậu Tài - Cậu Quý, Ông Địa, Ông Tà, Tứ vị Sơn thần. Gian ngoài thờ Địa Mẫu, Quan Âm, Tứ vị Thiên Vương. Phía trước Điện Bà có tượng nam thần, râu dài trắng muốt, tay cầm gậy. Theo tôi, đây có thể là hình ảnh của Néak Tà như trường hợp ở ao Bà Om (Trà Vinh).

Nằm giữa Điện Bà và chùa ngoài là 2 miếu Ông Tà, một miếu thờ Linga nguyên thủy, hai bên có hai con ngựa và một miếu cũng có Linga nhưng không có ngựa, dân gian gọi là Cô, Cậu, người dân thường đến cầu tự. Ông Tà núi (Neakta Phnom) có thể bắt gặp trên đỉnh Ba Phnum (xã Cher Kach, huyện Ba Phnum, tỉnh Pray Veng, Campuchia) với ít nhất 3 miếu Ông Tà trên đỉnh núi này, là hình ảnh quen thuộc trong văn hóa Khmer.

Long Châu Tự (chùa Hang, động Ông Chàm) là hang đá ở phía trên Điện Bà, thờ chư Phật, Bồ Tát, nữ thần, Cô Cậu. Chùa thờ tượng Bà Linh Sơn Thánh Mẫu (mặt đen) và Bà Chúa Xứ (mặt trắng).

Đối tượng thờ tự ở đây là một tập hợp phong phú các đối tượng của Phật giáo và các nữ thần, nam thần dân gian. Lễ vía Bà tổ chức vào ngày 5-6/5 Âm lịch, tổng hợp cả nghi lễ hát bóng rối và khoa

nghi Trai đàn thí thực của Phật giáo. Lễ tắm Bà được thực hành như một lễ mật, không có sự tham dự đông đảo của quần chúng. Trước đây còn có hát bội trong dịp lễ vía, cho thấy sự ảnh hưởng của nghi thức cúng Kỳ yên ở đình làng, do Linh Sơn Thánh Mẫu được sắc phong vào năm Bảo Đại thứ 10 (1935) với mỹ hiệu *Dực Bảo Trung Hưng Linh Phù Chi Thần*, Bà Đen được dự vào hàng các thần linh chính thống quan phương như các công thần và thần Thành Hoàng ở đình làng. Rõ ràng nghi lễ ở đây là sự pha trộn giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian¹⁶.

Ở khu phố Lộc An (thị trấn Trảng Bàng, Tây Ninh) còn có miếu Linh Sơn Thánh Mẫu, được cất năm 1932, trùng tu năm 1999, gần Giếng Mạch chảy từ núi Bà Đen xuống. Hàng năm ở miếu đều tổ chức lễ vía Bà Đen vào ngày 5/5 âm lịch, có hát bóng rối¹⁷. Chùa cổ Phước Lưu (thị trấn Trảng Bàng, Tây Ninh), trong nghi lễ thập sư đều có nhắc đến Linh Sơn Thánh Mẫu. Sớ cầu an ở các chùa của Tây Ninh đều có đọc câu “Nam mô Linh Sơn Thánh Mẫu Bồ Tát”¹⁸.

Đền Mariamman (45 Trương Định, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh) còn gọi là chùa Bà Ấn giáo, chùa Bà Đen, thực chất là ngôi đền Hindu do cộng đồng người Ấn tại Sài Gòn xây dựng vào đầu thế kỷ XX. Ngôi đền lại được xây trên nền của ngôi miếu nhỏ của người Việt thờ Linh Sơn Thánh Mẫu¹⁹.

Theo Phan Anh Tú, thi tượng nữ thần Mariamman (Uma, Parvati) ở ngôi đền này cũng có màu đen truyền thống ở miền Nam Ấn Độ. Hai chiếc linga-yoni ở đây cũng mang phong cách Nam Ấn, đặt trong gian thờ Bà để cho ta liên tưởng đến mối quan hệ giữa vị nữ thần này với chiếc linga của thần Shiva “theo đặc điểm của Ấn Độ để hòa nhập vào tín ngưỡng sùng bái sinh thực khí của cư dân Đông Nam Á”. Nó phát huy bằng hình thức cúng sinh thực khí cho những nữ thần có nguồn gốc là vợ của thần Shiva như ở ngôi đền Chao Mae Tuptim (Thái Lan) và Niềng Khmau (Campuchia)²⁰.

Việc cộng đồng người Ấn đã từng có thời gian lên cúng ở Điện Bà trên núi Bà Đen (Tây Ninh) càng cho thấy mối “quan hệ lịch sử” trong tín ngưỡng thờ Mariamman và Bà Đen không phải là ngẫu nhiên.

4. Bà Đen trong tín niệm Hindu giáo

Trong các tôn giáo tiền sử ở Ấn Độ dựa trên việc thờ cúng sự phì nhiêu và nữ thần mẹ, việc thờ cúng các năng lượng nữ là một yếu tố trọng tâm của nghi thức Hindu giáo. Không một vị thần nào hoạt động được nếu không có người vợ của mình. Hàng nghìn vị thần địa phương phổ biến ở các miền quê Ấn Độ hầu hết là nữ giới. Cao hơn hết trong số đó là nữ thần Kali, nữ thần hủy diệt và không thương xót. Bà đem lại sự sống cho vũ trụ, kích thích tiềm năng của các vị thần và đuổi sạch thế gian loài quỷ đang tìm cách nhấn chìm trật tự hài hòa của vũ trụ vào trong hỗn độn.

Trong vùng rừng cây thưa ở Bihar, Đông Bắc Ấn Độ, tượng Kali bằng đá, được thờ dưới dạng Mahavidyâ-Kâlî, ít nhất từ thế kỷ XV. Ở Kerala (Ấn Độ), tín đồ nam giới ăn mặc như là Kali trong cuộc điều hành của đền thờ Bhagavati²¹.

Kali là “nữ hắc thần”, một hình thức kinh khủng của nữ thần mẹ vĩ đại và là Shakti của thần Shiva. Bà là hiện thân của sự chết chóc và hủy diệt, được cho là sinh ra từ cái trán của nữ thần Durga, khi bà này nổi giận. Kali thường có cặp mắt đỏ màu máu, bốn cánh tay và một cái lưỡi le dài để tìm kiếm máu. Bà có hình dáng lởn vởn, chỉ đeo một chiếc thắt lưng bằng đầu và tay người, một xâu chuỗi sọ người và một tấm da cạp.

Cũng giống như Shiva, Kali có con mắt thứ ba trước trán, một tay cầm vũ khí, tay kia là cái đầu bị cắt của một người khổng lồ, hai tay còn lại thì đang đưa lên để tỏ dấu ban phước. Bà được xem như một nữ thần mẹ đầy lòng yêu thương, có thể tiêu diệt thần chết cùng loài ma quỷ.

Thần thoại Ấn Độ kể lại việc Raktabija hủy diệt thế giới. Mỗi lần bị thương thì từ một giọt máu của nó sẽ sinh ra 1.000 con quỷ. Các vị thần nhờ Kali tiêu diệt con quỷ này và bà liền uống hết máu của chúng, không để rơi một giọt, vì thế chúng không thể sinh hóa thêm ra nữa và chỉ khi còn lại một con quỷ chúa, bà há miệng đón lấy nó để kết thúc.

Ăn mừng chiến thắng của mình, Kali nhảy múa tung bừng, càng lúc càng cuồng nhiệt, khiến cả thế giới rung chuyển và toàn bộ sự

sống bị đe dọa hủy diệt. Các vị thần yêu cầu thần Shiva ngăn cản điệu nhảy của Kali nhưng cũng không được. Thần Shiva phải nằm dài ra trên mặt đất trước mặt nữ thần, để cho bà nhảy nhót trên mình ông. Cuối cùng Kali chột nhận ra và ngưng nhảy múa.

Thành phố Calcutta (Ấn Độ) được đặt theo tên vị nữ thần này, có nghĩa là “những bước chân của Kali”. Mỗi ngày đều có súc vật bị giết chết để tế thần, trước đây còn có cả hiến tế người nữa²².

Tín ngưỡng về nữ thần Kali liên quan đến hai biểu hiện về nông nghiệp và biển cũng thịnh hành ở Campuchia qua một ngôi đền thờ bà ở cảng Sihanouville mà họ quen gọi là đền Bà Đen (Niềng Khmau). Trong niềm tin của cư dân nông nghiệp, nghi lễ tôn vinh nữ thần Kali nhằm đánh dấu cái chết của mùa màng, tức thời gian kết thúc của một chu kỳ trồng lúa thường diễn ra sau vụ mùa²³.

Ở tỉnh Takeo (Campuchia) có ngôi đền bằng gạch thời tiền Angkor (thế kỷ VII-IX) được người địa phương gọi là đền Niềng Khmau (đền Bà Đen). Tên gọi ngôi đền này xuất phát trong giai đoạn muộn, khi Shiva giáo đi vào tín ngưỡng dân gian, vì theo Bà la môn giáo, tên đền thường được đặt rất dài, chứ không dùng cái tên dân gian như vậy. Và tên gọi này cũng do xuất phát từ một pho tượng cổ được người dân thờ cúng trong đền, người Pháp đã mang về Bảo tàng Quốc gia Phnom Penh. Pho tượng nữ thần không còn nguyên vẹn, phần đầu và hai tay bị mất, có khả năng là tượng Laksmi, vợ của thần Visnu. Trong ngôi đền này còn phát hiện một tượng Kalkin (Kalki), hóa thân cuối cùng của Vishnu. Ngôi đền Phnom Chisor xây dựng dưới triều Suryavarman I cũng tìm thấy pho tượng Phật đội vương miện, người địa phương gọi là Niềng Khmau²⁴.

Tín ngưỡng Niềng Khmau (Bà Đen) phổ biến trải rộng từ miền Nam Việt Nam sang Campuchia, Thái Lan, vì có thể nữ thần Chao Mae Tuptim ở Bangkok cũng là một dạng cải biên của tín ngưỡng thờ nữ thần Uma. Sự tích về Me Khmau được thờ trong ngôi đền Pich Nil nằm gần cảng Sihanoukville (Campuchia) có hơi hướng như sự tích Lý Thị Thiên Hương của Việt Nam. Chuyện kể Niềng Khmau là một phụ nữ Khmer, chồng là Tà Kry (Ông Kry), một tướng soái của Campuchia đang chinh chiến xa nhà chống quân Xiêm xâm lăng.

Do nhớ chồng, bà đón thuyền đi tìm. Khi đến gần kinh đô một cơn bão lớn xảy ra, người trên thuyền cho rằng Niềng Khmau làm thần linh nổi giận do bà đang có mang, phạm phải điều cấm kỵ khi lên thuyền. Niềng Khmau xin lỗi mọi người rồi trầm mình xuống biển, cơn bão cũng lập tức biến mất. Bà trở nên linh thiêng, được dân chúng thờ, dân đánh cá tôn là thần biển. Đây là tín ngưỡng cổ xưa liên quan đến những hóa thân của Uma như Kali và Durga. Tín ngưỡng thờ Niềng Khmau của ngư dân Campuchia được hình thành từ hình tượng Uma, Kali đã được dân gian hóa bằng truyền thuyết liên quan đến biển.

Ngư dân đảo Bali (Indonesia) cũng thờ cúng nữ thần Kali như một dạng Bà Đen, thịnh hành trên đảo Java thời kỳ tiền Islam giáo²⁵.

5. Những lớp tín ngưỡng về Bà Đen

Có thể nhận thấy ở đây sự pha trộn nhiều lớp văn hóa tín ngưỡng quanh việc thờ Bà Đen ở trên núi Bà (Tây Ninh).

Đầu tiên là lớp văn hóa Ấn giáo thông qua văn hóa Khmer. Câu chuyện về nàng Đênh chỉ ra tên gọi từ âm Khmer, đồng thời nó cũng cho thấy ảnh hưởng từ tín ngưỡng Deay Khmau (Bà Đen) có nguồn gốc từ tập tục tín ngưỡng thờ Arac, các vị thần bảo hộ thị tộc cổ đại (như Mê So / Nàng Trắng, Cahom / Đỏ)²⁶.

Một số vị thần Néak Ta trong Bà La Môn được thờ cúng như Néak Ta Noreay (Vishu), Néak Ta Proum (Brahma), thì Néak Ta Néang Khmau (Bà Khmau, Bà Đen) được sùng kính nhất, chính là nữ thần *Kali*. Bà là vị nữ thần coi sóc một vùng và được sùng bái như Ông Tà, người Việt gọi là *Bà Chao*. Hai vị thần này thường giúp người bằng cách báo mộng hoặc cho xâm²⁷.

Tín ngưỡng thờ Bà Đen (Néang Khmau) thường đi đôi với tín ngưỡng thờ Bà Trắng (Mé Sar)²⁸. Hình tượng này còn thấy trên tranh vẽ ở miếu Néak Tà tại ao Bà Om (xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành, Trà Vinh): giữa Bà Đen và Bà Trắng là Néak Tà Tà Xây, tay cầm quạt, tay cầm gậy có đầu rắn²⁹.

Ở xã Cher Kach (huyện Ba Phnum, tỉnh Pray Veng, Campuchia) hiện có ngôi miếu NeakTa Me-Sar, mà người dân địa phương gọi là

chùa Phật Trắng, thờ Bà Trắng tọa lạc trên một gò đá. Trước miếu, dưới chân gò cũng có miếu nhỏ thờ Ông Tà.

Núi Cậu nằm đối xứng với núi Bà Đen bên kia qua hồ Dầu Tiếng (Bình Dương), ngọn núi liên quan đến câu chuyện thi đào ao giữa hai bên nam nữ ở núi Bà Đen như trình bày ở trên. Ngay ở tên gọi đã thể hiện sự một cặp đối ngẫu: Cô (yoni, âm) - Cậu (linga, dương) trong văn hóa Bà la môn giáo. Vai trò của ao Bà Om ở Trà Vinh cũng như vậy. Motif thi đào ao ở hai nơi này đều có nét tương đồng và nhằm giải thích nguồn gốc các địa danh, đồng thời cũng phản ánh tín ngưỡng liên quan đến Bà Trắng và Bà Đen của người Khmer.

Quần thể núi Cậu với tổng diện tích hơn 1.600 ha, gồm 21 ngọn núi lớn nhỏ có dạng hình chữ U. Ngọn núi cao nhất là núi Cửa Ông cao 295m, núi Ông cao 285m, núi Tha La cao 198m và núi thấp nhất là núi Chúa cao 63m. Núi Cậu là một ngọn núi nhỏ nằm ở ấp Tha La, xã Định Thành, huyện Dầu Tiếng, Bình Dương.

Núi Tha La và địa danh ấp Tha La là dấu chỉ về ngôi chùa Khmer trước đây đã từng tồn tại ở khu vực này. Chùa Thới Sơn Núi Cậu tọa lạc trên núi này thờ Cậu Bảy là bộ tướng của ngài tả quân Lê Văn Duyệt, từng đi chinh phục và bảo hộ xứ Chân Lạp thời nhà Nguyễn, ít nhiều liên quan đến truyền thuyết về Bà Đen đề cập ở trên. Trên núi còn có miếu thờ Linh Sơn Thánh Mẫu. Vậy phải chăng mối quan hệ giữa núi Bà Đen và núi Cậu là có cơ sở, trong cùng một tâm thức về nàng Đênh /Bà Đen.

Ngôi đền thờ Bà Rá (Bình Phước) còn phối thờ Linh Sơn Thánh Mẫu, mà theo quan niệm của người dân nơi đây, Bà Rá và Linh Sơn Thánh Mẫu Bà Đen ở Tây Ninh chính là hai chị em³⁰.

Trong sách *Đất Việt trời Nam*, Thái Văn Kiểm cho biết trên triền núi Bà Đen có nhiều động vật và một *đền thờ Bà Đen*, có lẽ là *Uma* [N.T.L nhấn mạnh], nữ dạng của thần Shiva, rất linh thiêng. Núi này thường có mây phủ nên gọi là Vân Sơn³¹.

Trong văn hóa Khmer, thần Shiva được đồng hóa với tín ngưỡng bản địa thờ Neakta, nên người dân hay gọi Shiva là *Neakta Preak Eisey*³². Uma thì được gọi là Niềng Khmau (Bà Đen), Durga gọi là Niềng Me Sar (Bà Trắng). Pho tượng nữ thần Uma ngồi trên đùi thần

Shiva được người Campuchia gọi là *Neakta Por Kon* với nghĩa là “Neakta ôm đứa trẻ”, do hình tượng Uma thường có kích thước nhỏ hơn thần Shiva và cho rằng bà là con của Shiva³³.

Trong khi đi tìm nguyên ủy tín ngưỡng thờ Bà Đen ở Tây Ninh, Ngô Đức Thịnh cho rằng “dù gắn Bà Đen với Sakti của Shiva hay Visnu, thì một điều không thể phủ nhận được là cái gọi là Bà Đen trong văn hóa Chăm (Uma) hay trong văn hóa Khmer (Kali) đều gắn liền với việc kết hợp giữa ảnh hưởng ngoại sinh của văn hóa Bà la môn giáo Ấn Độ với các yếu tố nội sinh thờ nữ thần bản địa”³⁴.

Qua những điều đã chứng minh, cho thấy sự ảnh hưởng từ Bà la môn giáo qua yếu tố Khmer vẫn mạnh hơn qua yếu tố Chăm trong tín ngưỡng trên núi Bà Đen.

Lớp văn hóa thứ hai là lớp văn hóa Phật giáo trong tín ngưỡng thờ Bà Đen. Sự đánh đồng Bà Đen với Linh Sơn Thánh Mẫu chỉ ra dấu ấn của sự tích hợp các tín lý của Phật giáo. Linh Sơn / Linh Thử Sơn là ngọn núi ở gần thành Vương Xá (Rajagriha, Ấn Độ), nơi Đức Phật thuyết bộ kinh *Diệu Pháp Liên Hoa*. Linh Sơn còn gọi là núi Kênh Kênh, âm Hán là núi Kỳ Quật Xà (Garudhakuta). Theo các tín đồ Phật giáo Ấn Độ, đây là nơi các thiên thần hiện xuống, nên gọi là Linh Sơn (núi thiêng).

Với quan niệm như vậy, qua truyền thuyết về chuyện trai gái thiếp núi của người Khmer và những câu chuyện đượm màu sắc huyền thoại và thần tiên, nên núi Bà Đen được xem là ngọn núi thiêng: Linh Sơn.

Câu chuyện con gái viên tri huyện Trảng Bàng đi tu bị cộp vò, rất gần với chuyện Quan Âm Diệu Thiện (Bà Chúa Ba) ở Hương Tích (Hà Tĩnh).

Lớp văn hóa thứ ba mang màu sắc Nho giáo. Câu chuyện Lý Thị Thiên Hương chung thủy với người yêu Lê Sĩ Triệt được khuôn đúc theo quan niệm của Nho gia. Thần tích Lý Thị Thiên Hương lại gần với các gương liệt nữ được nhà Nguyễn ban tặng “Tiết hạnh khả phong” và đượm dư vị câu chuyện cô gái họ Lê tu ở núi Thị Vải (Bà Rịa). Nhìn xa hơn đó là hình bóng của Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga trong truyện thơ sáng tác hồi cuối thế kỷ XIX của Nguyễn Đình Chiểu³⁵.

Với sự giao thoa, đan xen giữa các nền văn hóa trên vùng đất Nam Bộ, việc bóc tách các lớp tín ngưỡng quanh tục thờ Bà Đen ở Tây Ninh quả không dễ dàng. Nhưng với những cứ liệu đã trình bày, bước đầu cho thấy có 3 lớp tín ngưỡng là Hindu giáo, Phật giáo và Nho giáo đã tạo nên một màu sắc phồn tạp về câu chuyện của nàng Đênh / Lý Thị Thiên Hương. Nó phản ánh một quá trình giao lưu, tiếp biến mạnh mẽ của tôn giáo, tín ngưỡng của các tộc người ở Nam Bộ về hình ảnh một vị nữ thần trên đỉnh non thiêng, mà nay dấu vết đã mờ xa. Việc nghiên cứu dạng thức tín ngưỡng này cần đến sự liên ngành và đặt nó trong bối cảnh văn hóa Đông Nam Á. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Ban Tổng kết chiến tranh (1990), *Tây Ninh 30 năm trung dũng kiên cường*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tây Ninh, tr. 6; Nguyễn Minh San (1994), *Tiếp cận tín ngưỡng dân dã Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr. 286;
- 2 Trịnh Hoài Đức (2005), *Gia Định Thành Thông Chí*, Lý Việt Dũng dịch và chú giải, Nxb. Đồng Nai, tr. 41.
- 3 Quốc sử quán triều Nguyễn (1973), *Đại Nam Nhất Thống Chí*, Lục tỉnh Nam Việt, tập thượng, Tu Trai Nguyễn Tạo dịch, Nha Văn hóa Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, Sài Gòn, tr. 71.
- 4 Trương Vĩnh Ký (1997), *Tiểu giáo trình địa lý Nam Kỳ*, Nguyễn Đình Đầu dịch và chú thích, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 8, 23, 38.
- 5 Lê Trung Hoa (2013), *Từ điển từ nguyên địa danh Việt Nam*, Sdd, tr. 77.
- 6 Lê Trung Hoa (2013), *Từ điển từ nguyên địa danh Việt Nam*, Sdd, tr. 77-78.
- 7 Thực ra là *Mê Đen*, Huỳnh Ngọc Trảng sưu tầm và biên soạn (2002), *Truyện dân gian Khơme*, tập 1, Nxb. Đồng Nai, tr. 7. Trong sách này, tác giả chỉ nhắc đến *Sự tích núi Mê Đen* trong *Lời giới thiệu*, mà không có văn bản truyện. Trong Nguyễn Phương Thảo (2007), *Văn hóa dân gian Nam Bộ - Những phác thảo*, Tái bản lần thứ 3 có sửa chữa, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, nàng *Mê Đen* cũng bị viết thành *Rê Đen* (tr. 294).
- 8 Lê Trung Hoa (2013), *Từ điển từ nguyên địa danh Việt Nam*, Sdd, tr. 78.
- 9 *Phnom* trong tiếng Khmer nghĩa là: đồi, gò, núi.
- 10 Nguyễn Hữu Hiếu (1997), *Nam Kỳ cổ sự (Chuyện kể Nam Bộ)*, Nxb. Đồng Tháp, tr. 105-106.
- 11 Toan Ánh (1969), *Nếp cũ hội hè đình đám*, Nam Chi tùng thư, Sài Gòn, tr. 199-200.
- 12 Toan Ánh (1969), *Nếp cũ hội hè đình đám*, Sdd, tr. 199.
- 13 Toan Ánh (1969), *Nếp cũ hội hè đình đám*, Sdd, tr. 195-197.
- 14 Toan Ánh (1969), *Nếp cũ hội hè đình đám*, Sdd, tr. 197-199.
- 15 Huỳnh Minh (1972), *Tây Ninh xưa và nay*, Sài Gòn, tr. 40-43. *Sự tích Bà Đen* trong sách *Nghìn năm bia miệng* (tập 1) do Huỳnh Ngọc Trảng sưu tầm và biên soạn cũng chép tương tự.

- 16 Huỳnh Ngọc Trảng (chủ biên, 2002), *Sổ tay hành hương đất phương Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 272-273; Ngô Đức Thịnh (2012), *Đạo Mẫu Việt Nam*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 344-346.
- 17 Vương Công Đức (2016), *Trăng Bàng phương chí*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, tr. 623-625.
- 18 Thông tin do Phí Thành Phát (huyện Trảng Bàng) cung cấp. Tôi xin chân thành cảm ơn.
- 19 Nhiều tác giả (2017), *Tín ngưỡng dân gian*, Nxb. Văn hóa Văn nghệ, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 101-103. Chùa Linh Sơn (quận 1, Tp. Hồ Chí Minh) cũng được xây dựng trên nền miếu Linh Sơn Thánh Mẫu, nên bàn thờ Bà được đặt ở vách hông chánh điện. Nhiều ngôi miếu thờ Linh Sơn Thánh Mẫu ở Tp. Hồ Chí Minh bị phá, phải đưa vào tông tự, phối tự với ngôi miếu khác (Võ Thanh Bằng (chủ biên, 2008), *Tín ngưỡng dân gian ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, tr. 81).
- 20 Phan Anh Tú (2016), *Điều khắc thần Visnu và Shiva trong văn hóa Đông Nam Á*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 302-303.
- 21 C. Scott Littleton (chủ biên) (2006), *Huyền thoại thế giới*, Chương Ngọc dịch, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội, tr. 370.
- 22 Rachel Storm (2003), *Huyền thoại phương Đông*, Chương Ngọc dịch, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội, tr. 163.
- 23 Phan Anh Tú (2016), Sdd, tr. 277.
- 24 Phan Anh Tú (2016), Sdd, tr. 297.
- 25 Phan Anh Tú (2016), Sdd, tr. 300-302.
- 26 Huỳnh Ngọc Trảng (chủ biên, 2002), Sdd, tr. 271.
- 27 Lê Hương (1969), *Người Việt gốc Miên*, Sài Gòn, tr. 70, 36.
- 28 Mỹ Tho là biến danh của *Me Sa*, nghĩa là Bà Trắng theo Thái Văn Kiểm (1960), *Đất Việt trời Nam*, Sdd, tr. 33.
- 29 Nguyễn Phương Thảo (1997), Sdd, tr. 192.
- 30 Ngô Đức Thịnh (2012), *Đạo Mẫu Việt Nam*, Nxb. Thế giới, Sdd, tr. 349.
- 31 Thái Văn Kiểm (1960), *Đất Việt trời Nam*, Nguồn Sáng, Sài Gòn, tr. 32.
- 32 Tín ngưỡng thờ Bà người Khmer gọi là *Dây*, như Dây Tep, Dây Di (Lê Hương (1969), *Người Việt gốc Miên*, Tác giả xuất bản, Sài Gòn, tr. 69).
- 33 Phan Anh Tú (2016), *Điều khắc thần Visnu và Shiva trong văn hóa Đông Nam Á*, Sdd, tr. 296.
- 34 Ngô Đức Thịnh (2012), *Đạo Mẫu Việt Nam*, Sdd, tr. 348-349.
- 35 Huỳnh Ngọc Trảng (chủ biên, 2002), *Sổ tay hành hương đất phương Nam*, Sdd, tr. 271.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Hương (1969), *Người Việt gốc Miên*, Tác giả xb, Sài Gòn.
2. Huỳnh Minh (1972), *Tây Ninh xưa và nay*, Tác giả xb, Sài Gòn.
3. Huỳnh Ngọc Trảng sưu tầm và biên soạn (2002), *Truyện dân gian Khome*, tập 1, Nxb. Đồng Nai.
4. Huỳnh Ngọc Trảng (chủ biên) (2002), *Sổ tay hành hương đất phương Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Nguyễn Phương Thảo (2007), *Văn hóa dân gian Nam Bộ những phác thảo*, Tái bản lần thứ 3 có sửa chữa, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
6. Ngô Đức Thịnh (2012), *Đạo Mẫu Việt Nam*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
7. *Tín ngưỡng dân gian*, Nxb. Văn hóa Văn nghệ, Tp. Hồ Chí Minh, 2017.
8. Toan Ánh (1969), *Nếp cũ hội hè đình đám*, Nam Chi tùng thư, Sài Gòn.
9. Phan Anh Tú (2016), *Điều khắc thần Visnu và Shiva trong văn hóa Đông Nam Á*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Abstract

RESEARCH ON THE CULT OF BÀ ĐEN IN TÂY NINH

Nguyen Thanh Loi

*The Central College of Education,
Ho Chi Minh City*

The article explores the belief of Bà Đen worship in Tây Ninh: the role of Hinduism, Buddhism and Confucianism in creating a complex story of Ms. Đênh or Lý Thị Thiên Hương. This research shows the process of exchanging and acculturation the religions and beliefs of the ethnic groups in the South (Nam Bộ) through the image of a goddess.

Keywords: Cult of Bà Đen; belief; Tây Ninh.